



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya
(Việt Nam)**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012**



Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thông tin về công ty

Giấy phép Đầu tư số	414/GP 414/GPĐC 414/GPĐC1 414/GPĐC2 414/GPĐC3 414/GPĐC4 414/CPH/GP 414/CPH/GCNĐC1-BKH do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	ngày 7 tháng 9 năm 1992 ngày 14 tháng 2 năm 1995 ngày 31 tháng 10 năm 1995 ngày 9 tháng 1 năm 1996 ngày 30 tháng 7 năm 1997 ngày 19 tháng 9 năm 1997 ngày 7 tháng 10 năm 2005 ngày 25 tháng 10 năm 2006
	414/GPĐC1-BKH-KCN-DN 414/GPĐC2-BKH-KCN-DN 414/GPĐC3-BKH-KCN-DN 414/GCNĐC2/47/2 472033000584 472033000584 472033000584 472033000584 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp	ngày 16 tháng 5 năm 2003 ngày 23 tháng 6 năm 2003 ngày 7 tháng 5 năm 2004 ngày 6 tháng 9 năm 2007 ngày 11 tháng 7 năm 2008 ngày 18 tháng 12 năm 2008 ngày 30 tháng 8 năm 2010 ngày 29 tháng 11 năm 2011 tỉnh Đồng Nai cấp
	Giấy phép Đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.	
Hội đồng Quản trị	Ông Shen Shang Pang Ông Shen Shang Tao Ông Shen Shang Hung Ông Shen San Yi Ông Wang Ting Shu	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Wang Ting Shu Ông Chiu Chin Teng Ông Chen Chung Kuang	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 29 tháng 2 năm 2012) Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 3 năm 2012)
Trụ sở đăng ký		
Trụ sở chính	Khu Công nghiệp Biên Hòa II Tỉnh Đồng Nai Việt Nam	
Chi nhánh	Xã Cẩm Điền Huyện Cẩm Giàng Tỉnh Hải Dương Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 4 đến trang 36 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.



Thay mặt Ban Giám đốc

Wang Ping Shu
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 1 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 1 tháng 3 năm 2013, được trình bày từ trang 4 đến 36. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán: 12-01-260/5



Lâm Thị Ngọc Hào

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0866/KTV

Phó Tổng Giám đốc



Chang Hung Chun

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2013

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		488.105.958.795	503.417.219.133
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	127.946.893.899	125.050.507.299
Tiền	111		17.746.893.899	56.721.698.911
Các khoản tương đương tiền	112		110.200.000.000	68.328.808.388
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		143.397.955.943	165.327.908.022
Phải thu khách hàng	131		143.161.649.009	165.461.517.756
Trả trước cho người bán	132		70.288.123	465.321.753
Các khoản phải thu khác	135		1.875.925.271	299.938.433
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.709.906.460)	(898.869.920)
Hàng tồn kho	140	5	208.104.235.414	204.903.496.242
Hàng tồn kho	141		210.848.264.253	206.851.281.428
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.744.028.839)	(1.947.785.186)
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.656.873.539	8.135.307.570
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.908.787.616	895.153.894
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.488.538.002	6.987.838.176
Thuế thu nhập doanh nghiệp trả trước	154		67.850.421	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		191.697.500	252.315.500
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	200		145.711.878.081	167.952.582.257
Tài sản cố định	220		140.989.090.826	163.083.409.751
Tài sản cố định hữu hình	221	6	140.415.316.826	158.481.797.349
Nguyên giá	222		436.179.690.860	431.762.746.429
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(295.764.374.034)	(273.280.949.080)
Tài sản cố định vô hình	227	7	529.200.000	-
Nguyên giá	228		567.000.000	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(37.800.000)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	230	8	44.574.000	4.601.612.402
Tài sản dài hạn khác	260		4.722.787.255	4.869.172.506
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	2.776.254.177	3.043.343.979
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	10	1.946.533.078	1.825.828.527
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		633.817.836.876	671.369.801.390

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		356.096.138.621	428.019.235.734
Nợ ngắn hạn	310		356.096.138.621	427.751.446.861
Vay ngắn hạn	311	11	197.875.880.241	312.152.126.303
Phải trả người bán	312	12	128.534.895.322	90.196.727.226
Người mua trả tiền trước	313		21.673.269.915	13.068.225.554
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	1.288.989.749	4.698.421.775
Phải trả người lao động	315		5.583.446.661	5.914.946.314
Chi phí phải trả	316		1.061.975.115	1.652.461.368
Các khoản phải trả khác	319		77.681.618	68.538.321
Nợ dài hạn	330		-	267.788.873
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	14	-	267.788.873
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		277.721.698.255	243.350.565.656
Vốn chủ sở hữu	410	15	277.721.698.255	243.350.565.656
Vốn cổ phần	411	16	279.013.770.637	279.013.770.637
Cổ phiếu quỹ	414	16	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ và dự trữ	417	17	21.553.609.319	21.553.609.319
Lỗi lũy kế	420		(22.572.841.701)	(56.943.974.300)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		633.817.836.876	671.369.801.390

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	1.209.007.946	16.751.402.382
Ngoại tệ	3.587.622.291	2.996.847.851

Ngày 1 tháng 3 năm 2013

Người lập:

Sung Hsiang Lin

Sung Hsiang Lin
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu	01	18	914.987.988.113	1.318.267.201.905
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(2.261.005.263)	(1.683.718.208)
Doanh thu thuần (10 = 01 + 02)	10		912.726.982.850	1.316.583.483.697
Giá vốn hàng bán	11		(833.384.800.021)	(1.178.006.826.469)
Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)	20		79.342.182.829	138.576.657.228
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	8.872.767.073	15.496.943.206
Chi phí tài chính	22	20	(13.465.227.276)	(78.135.753.585)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(10.038.531.138)</i>	<i>(14.347.719.746)</i>
Chi phí bán hàng	24		(18.473.193.874)	(19.608.289.051)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(27.293.388.091)	(27.588.826.788)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25)	30		28.983.140.661	28.740.731.010
Thu nhập khác	31		5.280.203.052	7.864.864.372
Chi phí khác	32		(12.915.665)	(3.205.295.090)
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40		5.267.287.387	4.659.569.282
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		34.250.428.048	33.400.300.292
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	-	(2.607.462.478)
Lợi ích/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	52	21	120.704.551	(221.807.697)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52)	60		34.371.132.599	30.571.030.117
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	1.232	1.096

Ngày 1 tháng 3 năm 2013

Người lập:

Sung Hsiang Lin

Sung Hsiang Lin
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Wang Jing Shu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		34.250.428.048	33.400.300.292
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		23.754.094.699	27.136.014.516
Các khoản dự phòng	03		1.607.280.193	1.852.075.019
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(1.054.074.282)	(1.305.507.433)
Lỗ/(lãi) thanh lý và xóa sổ tài sản cố định	05		39.248.628	(124.965.790)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(7.802.337.474)	(10.163.807.763)
Chi phí lãi vay	06		10.038.531.138	14.347.719.746
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		60.833.170.950	65.141.828.587
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		20.576.339.314	41.637.974.718
Biến động hàng tồn kho	10		(3.996.982.825)	(9.662.968.708)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		43.711.633.991	(101.387.220.742)
			121.124.161.430	(4.270.386.145)
Tiền lãi vay đã trả	13		(10.370.526.541)	(14.349.204.046)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(1.076.680.612)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		109.676.954.277	(18.619.590.191)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.463.461.873)	(12.981.934.692)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		31.527.273	252.792.961
Tiền thu từ các khoản đầu tư khác	25		-	2.000.000.000
Thu lãi tiền gửi	27		7.823.347.730	9.883.353.063
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		6.391.413.130	(845.788.668)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay nhận được	33		431.606.837.343	545.438.418.231
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(544.778.818.150)	(589.622.253.997)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(113.171.980.807)	(44.183.835.766)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		2.896.386.600	(63.649.214.625)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		125.050.507.299	188.699.721.924
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	127.946.893.899	125.050.507.299

Ngày 1 tháng 3 năm 2013

Người lập:

Sung Hsiang Lin

Sung Hsiang Lin
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Wang Ling Shu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập chi nhánh, bắt đầu hoạt động vào tháng 1 năm 2005, tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-ĐN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty có 415 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 432 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) **Tài sản cố định hữu hình**

(i) **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà xưởng và cấu trúc	7 – 35 năm
▪ Máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ Đồ đạc và trang bị văn phòng	5 – 8 năm
▪ Tài sản khác	2 – 7 năm

(f) **Tài sản cố định vô hình**

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

(g) **Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí hội viên câu lạc bộ golf

Phí hội viên câu lạc bộ golf được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 37 đến 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ sử dụng trên một năm được ghi nhận như trả trước dài hạn và được phân bổ trong thời gian từ một đến ba năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(k) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(i) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê

(o) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc có ý kiến rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là sản xuất và bán dây cáp điện và trong một vùng địa lý chủ yếu là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Mẫu B 09 – DN

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	944.340.700	1.341.682.800
Tiền gửi ngân hàng	16.802.553.199	55.380.016.111
Các khoản tương đương tiền	110.200.000.000	68.328.808.388
	<hr/> 127.946.893.899	<hr/> 125.050.507.299

5. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Hàng mua đang đi trên đường	60.695.024.137	45.559.274.464
Nguyên vật liệu	26.411.034.026	38.823.258.908
Sản phẩm dở dang	31.756.190.575	50.847.636.875
Thành phẩm	91.986.015.515	71.621.111.181
	<hr/> 210.848.264.253	<hr/> 206.851.281.428
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.744.028.839)	(1.947.785.186)
	<hr/> 208.104.235.414	<hr/> 204.903.496.242

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	1.947.785.186	4.744.419.945
Tăng dự phòng trong năm	1.699.183.921	1.852.075.019
Sử dụng dự phòng trong năm	(902.940.268)	(4.648.709.778)
	<hr/> 2.744.028.839	<hr/> 1.947.785.186

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có 24.453 triệu VND giá trị thành phẩm (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 22.159 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà xưởng và cấu trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	144.735.473.608	267.359.815.944	8.648.236.619	3.268.425.484	7.750.794.774	431.762.746.429
Tăng trong năm	-	218.559.125	23.818.182	115.166.546	34.718.182	392.262.035
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	4.751.735.591	-	-	151.229.636	4.902.965.227
Thanh lý	-	(866.964.649)	(11.318.182)	-	-	(878.282.831)
Số dư cuối năm	144.735.473.608	271.463.146.011	8.660.736.619	3.383.592.030	7.936.742.592	436.179.690.860
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	62.464.988.345	193.075.773.588	8.340.329.693	2.598.350.727	6.801.506.727	273.280.949.080
Khấu hao trong năm	5.462.461.296	16.881.249.701	93.456.252	327.734.739	596.805.797	23.361.707.785
Thanh lý	-	(866.964.649)	(11.318.182)	-	-	(878.282.831)
Số dư cuối năm	67.927.449.641	209.090.058.640	8.422.467.763	2.926.085.466	7.398.312.524	295.764.374.034
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	82.270.485.263	74.284.042.356	307.906.926	670.074.757	949.288.047	158.481.797.349
Số dư cuối năm	76.808.023.967	62.373.087.371	238.268.856	457.506.564	538.430.068	140.415.316.826

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 156.201 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 142.963 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 8.683 triệu VND (31/12/2011: 13.031 triệu VND) được thế chấp (tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (xem thuyết minh 11).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

7. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Tăng trong năm và số dư cuối năm	567.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Khấu hao trong năm và số dư cuối năm	37.800.000
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	-
Số dư cuối năm	529.200.000

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	4.601.612.402	35.286.700
Tăng trong năm	416.702.726	8.683.695.077
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.902.965.227)	(4.117.369.375)
Xóa sổ	(70.775.901)	-
Số dư cuối năm	44.574.000	4.601.612.402

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Phí hội viên câu lạc bộ golf VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.766.000.731	1.277.343.248	3.043.343.979
Tăng trong năm	-	87.497.112	87.497.112
Phân bổ trong năm	(56.848.560)	(297.738.354)	(354.586.914)
Số dư cuối năm	1.709.152.171	1.067.102.006	2.776.254.177

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản cố định	290.284.508	248.815.292
Các khoản dự phòng	579.207.421	426.998.266
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	731.742.825	731.742.825
Khác	345.298.324	418.272.144
	1.946.533.078	1.825.828.527

(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-	45.028.447	3.377.134
Lỗ tính thuế	32.982.545.412	5.630.923.834	68.942.633.436	11.621.216.829
	32.982.545.412	5.630.923.834	68.987.661.883	11.624.593.962

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2013	Chưa quyết toán	4.748.672.051
2014	Chưa quyết toán	33.112.158.861
		37.860.830.912

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****11. Vay ngắn hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Khoản tín dụng	Lãi suất vay trên một năm	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Ngân hàng Taipei Fubon Bank, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (a)	4.000.000 USD	SIBOR+1,5%	11.473.000.000	26.557.719.066
Ngân hàng Thương mại Chinatrust, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	5.000.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1,15%	19.544.482.248	58.234.967.198
Mega International Commercial bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	1.200.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1%	15.690.394.522	19.969.600.848
Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	4.500.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1%	65.556.600.995	45.387.114.798
Ngân hàng Indovina, Chi nhánh Đồng Nai	1.500.000 USD	4,5%	-	16.990.426.212
Ngân hàng First Commercial Bank, Chi nhánh Hà Nội (b)	2.800.000 USD	SIBOR+1%	16.979.075.577	46.863.000.000
Ngân hàng First Commercial Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	3.000.000 USD	SIBOR 1 tháng + 1%	11.036.816.983	22.361.138.668
Ngân hàng Thương mại Hua Nan, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	3.000.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1,5%	12.520.300.442	26.766.476.444
Ngân hàng Thương mại Hua Nan, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	3.000.000 USD	SIBOR 6 tháng + 0,55%	5.215.000.000	18.395.608.685
Ngân hàng Thượng Hải (b)	2.000.000 USD	4,2%	8.344.000.000	30.626.074.384

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Mẫu B 09 – DN

	Khoản tín dụng	Lãi suất vay trên một năm	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Ngân hàng Thượng Hải – OBU (b)	3.000.000 USD	4,3%	6.258.000.000	-
Far East National Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	7.000.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1%	8.828.395.781	-
Ngân hàng ANZ Vietnam (b)	5.000.000 USD	0,5% năm trên giá vốn của quỹ - được quyết định trên mỗi giao dịch	4.172.000.000	-
Far East National Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	3.000.000 USD	USD: SIBOR/Chi nhánh HCM COF + 1,5% VND: Chi nhánh HCM COF +1,5%	12.257.813.693	-
			197.875.880.241	312.152.126.303

- a. Khoản vay thể hiện 2 khoản tín dụng mỗi khoản 2.000.000 USD. Khoản vay được đảm bảo bằng máy móc với giá trị ghi sổ là 8.683 triệu VND (31/12/2011: 13.031 triệu VND) (xem thuyết minh 6).
- b. Khoản vay này được đảm bảo bởi ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.

12. Phải trả người bán

Trong phải trả người bán có các khoản phải trả cho một bên liên quan như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải trả cho Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd (công ty mẹ)	120.140.738.227	76.820.796.564

Khoản phải trả cho Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd không được bảo đảm, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hoá đơn.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	579.911.557	42.430.188
Thuế thu nhập cá nhân	560.343.740	574.760.410
Thuế nhập khẩu	148.734.452	13.381.926
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.008.830.191
Các khoản phải nộp khác	-	3.059.019.060
	<hr/>	<hr/>
	1.288.989.749	4.698.421.775
	<hr/>	<hr/>

14. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	VND
Số dư đầu năm	267.788.873
Dự phòng sử dụng trong năm	(50.039.000)
Xóa sổ	(217.749.873)
	<hr/>
Số dư cuối năm	-
	<hr/>

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã đóng 216 triệu VND (2011: 149 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ và dự trữ VND	Lỗi lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	(87.515.004.417)	212.779.535.539
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	30.571.030.117	30.571.030.117
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	(56.943.974.300)	243.350.565.656
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	34.371.132.599	34.371.132.599
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	(22.572.841.701)	277.721.698.255

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

16. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	27.901.377	279.013.770.637	27.901.377	279.013.770.637
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	27.901.377	279.013.770.637	27.901.377	279.013.770.637
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840.000)	(9.363)	(272.840.000)
Cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	27.892.014	278.740.930.637	27.892.014	278.740.930.637

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

17. Quỹ và dự trữ

Quỹ và dự trữ được trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

18. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi	7.802.337.474	10.163.807.763
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.355.317	4.027.628.010
Lãi thuần chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.054.074.282	1.305.507.433
	<u>8.872.767.073</u>	<u>15.496.943.206</u>

20. Chi phí tài chính

	2012 VND	2011 VND
Chi phí lãi vay	10.038.531.138	14.347.719.746
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.426.696.138	63.788.033.839
	<u>13.465.227.276</u>	<u>78.135.753.585</u>

21. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2012 VND	2011 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	2.607.462.478
(Lợi ích)/chi phí thuế hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(120.704.551)	221.807.697
	<u>(120.704.551)</u>	<u>2.829.270.175</u>

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	34.250.428.048	33.400.300.292
Thuế tính theo thuế suất Công ty	5.137.564.207	5.010.045.044
Chi phí không được khấu trừ thuế	660.553.062	1.093.755.247
Ưu đãi thuế	-	(1.735.080.956)
Biến động các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ không được ghi nhận	(6.754.267)	(152.036.252)
Ảnh hưởng của thuế suất khác	809.968.267	331.767.793
Lỗi tính thuế được sử dụng	(6.722.035.820)	(4.326.643.179)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	2.607.462.478
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại	(120.704.551)	2.829.270.175

(c) Thuế suất áp dụng

Trụ sở chính của Công ty tại Đồng Nai có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên thu nhập tính thuế.

Chi nhánh của Công ty tại Hải Dương có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên thu nhập tính thuế cho mỗi kỳ trong 12 năm tính từ ngày thành lập và 25% cho các năm tiếp theo. Công ty cũng được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận (2006) và được giảm 50% cho bốn năm tiếp theo.

Công ty có thể chuyển lỗ tính thuế phát sinh trong năm và bù lỗ cho lãi phát sinh trong những năm tiếp theo cho giai đoạn tối đa là năm năm.

Việc xác định mức thuế phải trả còn phụ thuộc vào cách diễn giải quy định thuế hiện hành. Tuy nhiên các quy định này cũng có thể bị thay đổi định kỳ và số phải trả thuế cuối cùng còn tùy thuộc vào sự xem xét của cơ quan thuế.

22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	34.371.132.599	30.571.030.117
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<u>34.371.132.599</u>	<u>30.571.030.117</u>

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2012	2011
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	27.892.014	27.892.014
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	<u>27.892.014</u>	<u>27.892.014</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty không có cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm tiềm tàng (ngày 31 tháng 12 năm 2011: Không).

23. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Xác định các bên liên quan

Công ty có mối quan hệ giữa bên liên quan với công ty mẹ, Taya Taiwan Electric Wire and Cable Co. Ltd., các thành viên hội đồng quản trị và các nhân sự quản lý chủ chốt.

Các giao dịch với các nhân sự quản lý chủ chốt

Tổng tiền thưởng và phụ cấp công việc trả cho các nhân sự quản lý chủ chốt như sau:

	2012 VND	2011 VND
Ban Giám đốc	1.626.813.020	1.519.297.960
Hội đồng Quản trị	2.763.560.000	3.295.579.150
	4.390.373.020	4.814.877.110

Giao dịch với công ty mẹ

	Giá trị giao dịch	
	2012 VND	2011 VND
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd		
Mua nguyên vật liệu	733.825.203.224	993.760.621.422
Phí bản quyền	1.159.920.648	1.661.787.432

Theo hợp đồng về bản quyền sử dụng nhãn hiệu giữa Công ty và Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd (công ty mẹ), Công ty có quyền sử dụng nhãn hiệu thuộc quyền sở hữu của Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. Bù lại, Công ty sẽ trả phí bản quyền bằng 0,1% trên doanh thu thuần.

24. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	4.038.466.960	3.252.604.414
Từ hai đến năm năm	16.153.867.839	14.189.982.854
Trên năm năm	91.789.684.233	82.211.720.348
	<hr/>	<hr/>
	111.982.019.032	99.654.307.616

Chi phí thuê hàng năm bao gồm 3 khoản sau:

- Phí thuê đất cho trụ sở chính của Công ty ở tỉnh Đồng Nai, Việt Nam với phí thuê tối thiểu hàng năm là 109.798 USD bao gồm thuế giá trị gia tăng và phí cơ sở hạ tầng hàng năm là 25.885 USD cho 50 năm bắt đầu từ ngày 7 tháng 9 năm 1992. Phí thuê đất tăng tối đa 15% sau mỗi kỳ năm năm.
- Phí thuê văn phòng hàng năm tại Thành phố Hồ Chí Minh là 630 triệu VND trong mười năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2012.
- Phí thuê đất ở tại tỉnh Hải Dương là 590 triệu VND từ năm thứ tám sau khi Chi nhánh bắt đầu hoạt động đến ngày 7 tháng 9 năm 2042.

25. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	763.661.563.883	1.098.547.585.283
Chi phí nhân công trong chi phí sản xuất	43.252.016.284	41.082.802.123
Chi phí khấu hao và phân bổ	23.754.094.699	27.136.009.516
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.236.499.462	36.520.971.041
Các chi phí khác	14.189.313.172	25.853.486.938

26. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng,
- rủi ro thanh khoản, và
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	127.002.553.199	123.708.824.499
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	143.327.667.820	164.862.586.269
		270.330.221.019	288.571.410.768

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm riêng của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó.

Công ty thiết lập dự phòng giảm giá phản ánh lỗ phát sinh ước tính đối với phải thu khách hàng và phải thu khác. Các thành tố chính của khoản dự phòng này là các khoản lỗ cụ thể liên quan đến từng trường hợp riêng biệt có mức rủi ro cao.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty hoặc chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong hạn	113.737.286.734	137.385.056.236
Quá hạn từ 1 – 30 ngày	15.880.949.217	16.045.384.235
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	8.784.226.489	9.587.580.534
Quá hạn trên 180 ngày	4.925.205.380	1.844.565.264
	143.327.667.820	164.862.586.269

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	898.869.920	898.869.920
Tăng dự phòng trong năm	817.536.540	-
Hoàn nhập	(6.500.000)	-
Số dư cuối năm	1.709.906.460	898.869.920

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

31/12/2012	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng chưa được chiết khấu VND	Trong vòng 1 năm VND
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	135.257.998.716	135.257.998.716	135.257.998.716
Vay ngân hàng	197.875.880.241	200.501.450.854	200.501.450.854
	333.133.878.957	335.759.449.570	335.759.449.570

31/12/2011	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng chưa được chiết khấu VND	Trong vòng 1 năm VND
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	97.832.673.229	97.832.673.229	97.832.673.229
Vay ngân hàng	312.152.126.303	318.035.252.612	318.035.252.612
	409.984.799.532	415.867.925.841	415.867.925.841

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Mẫu B 09 – DN

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất và tỷ giá hối đoái sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro hối đoái

Công ty có rủi ro hối đoái từ các giao dịch bán, mua và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro hối đoái như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	USD	USD
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	172.152	143.875
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	1.133.288	1.733.661
Vay ngắn hạn	(8.984.462)	(14.987.139)
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	(5.867.682)	(3.908.818)
	<hr/>	<hr/>
	(13.546.704)	(17.018.421)

Sau đây là tỷ giá hối đoái chính được Công ty áp dụng:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
USD	20.815	20.828

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng trên lợi nhuận thuần và vốn chủ sở hữu	
	2012 VND	2011 VND
USD (mạnh thêm 5%)	(11.983.922.510)	(15.253.321.026)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền sẽ có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần và vốn chủ sở hữu của Công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	127.002.553.199	123.708.824.499
Nợ phải trả tài chính	(135.257.998.716)	(97.832.671.232)
	(8.255.445.517)	25.876.153.267
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Nợ phải trả tài chính	(197.875.880.241)	(312.152.126.303)

Đánh giá độ nhạy cảm giá trị hợp lý đối với công cụ tài chính có lãi suất cố định

Công ty không hạch toán bất kỳ tài sản và nợ phải trả tài chính nào theo giá trị hợp lý thông qua kết quả hoạt động kinh doanh và nguồn vốn trong năm. Do đó sự biến động lãi suất tại ngày lập báo cáo sẽ không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh và nguồn vốn.

Đánh giá độ nhạy cảm dòng tiền đối với công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản về lãi suất tại ngày lập báo cáo sẽ dẫn đến tăng/(giảm) vốn chủ sở hữu và kết quả hoạt động kinh doanh theo khoản tiền được thể hiện dưới đây. Đánh giá này giả sử rằng tất cả các tham biến khác, cụ thể là tỷ giá hối đoái, không thay đổi.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

31/12/2012	Kết quả hoạt động kinh doanh		Vốn chủ sở hữu	
	Tăng 100bp	Giảm 100bp	Tăng 100bp	Giảm 100bp
Công cụ lãi suất thả nổi	(350.089.498)	350.089.498	(350.089.498)	350.089.498
Độ nhạy cảm của dòng tiền (thuần)	(350.089.498)	350.089.498	(350.089.498)	350.089.498
<hr/>				
31/12/2011	Kết quả hoạt động kinh doanh		Vốn chủ sở hữu	
	Tăng 100bp	Giảm 100bp	Tăng 100bp	Giảm 100bp
Công cụ lãi suất thả nổi	(495.864.912)	495.864.912	(495.864.912)	495.864.912
Độ nhạy cảm của dòng tiền (thuần)	(495.864.912)	495.864.912	(495.864.912)	495.864.912

(e) Giá trị hợp lý

Các phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để đánh giá giá trị hợp lý đối với mỗi loại công cụ tài chính:

Tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Giá trị ghi sổ gần bằng với giá trị hợp lý tương ứng do các công cụ này đáo hạn trong ngắn hạn.

Các khoản vay ngân hàng

Giá trị ghi sổ của các khoản vay xấp xỉ giá trị hợp lý dựa trên lãi suất vay hiện tại của các khoản vay ngân hàng với các điều khoản và thời gian đáo hạn tương tự.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

27. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày năm hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2011 VND (phân loại lại)	2011 VND (theo báo cáo trước đây)
Thu nhập tài chính	15.496.943.206	15.919.931.770
Chi phí tài chính	78.135.753.585	78.558.742.149

Ngày 1 tháng 3 năm 2013

Người lập:



Sung Hsiang Lin
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc